

Bản án số: 07/2021/DS-PT
Ngày 11-01-2021
V/v Tranh chấp thừa kế tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Văn Triển.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phạm Văn Tâm;
2. Bà Nguyễn Thanh Minh Châu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Phương Yến, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Châu – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 186/2020/TLPT-DS ngày 04 tháng 10 năm 2020, về “Tranh chấp thừa kế tài sản”; do Bản án Dân sự sơ thẩm số: 12/2020/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 352/2020/QĐ-PT ngày 24 tháng 12 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1964; cư trú tại: khu phố L, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Bị đơn:

1/ Bà Lê Thị H, sinh năm 1960; cư trú tại: khu phố B, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

2/ Ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1957 (đã chết ngày 30-10-2019);

- Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông P:

1/ Chị Nguyễn Thị M (con ông P), sinh năm 1988;

2/ Anh Nguyễn Văn Minh Đông (con ông P), sinh năm 1995;

3/ Chị Nguyễn Thị Ngọc D (con ông P), sinh năm 1998;

4/ Bà Lê Thị H (vợ ông P), sinh năm 1959;

Cùng cư trú tại: khu phố B, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; tất cả đều có

mặt.

5/ Chị Nguyễn Thị C (con ông P), sinh năm 1978; cư trú tại: khu phố S, phường N, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Ông Trần Minh N là luật sư của Văn phòng luật sư Trần Minh Tuấn thuộc Đoàn luật sư tỉnh Tây Ninh; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1954; cư trú tại: ấp H1, xã H2, huyện H3, Thành phố Hồ Chí Minh; có mặt.

2/ Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1966;

3/ Bà Nguyễn Thị E, sinh năm 1969;

Cả hai cùng cư trú tại: khu phố E1, phường N, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; cả hai đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 28-3-2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - Ông Nguyễn Văn A trình bày:

Cha ông tên Nguyễn Văn I chết năm 1987 và mẹ ông tên Nguyễn Thị D1 chết năm 2005, có 06 người con gồm: Nguyễn Văn U (đã chết không có vợ con); Nguyễn Thị H; Nguyễn Văn P; Nguyễn Văn A; Nguyễn Thị G; Nguyễn Thị E. Cha mẹ ông không có con riêng, con nuôi nào khác.

Khi cha mẹ chết không có để lại di chúc và có để lại tài sản gồm 9.000 m² đất ruộng tại ấp B, xã L, huyện T (nay là khu phố B, phường L, thị xã T), tỉnh Tây Ninh. Nguồn gốc đất do cha mẹ khai phá đất rừng từ sau giải phóng nhưng cha mẹ chưa kê khai đăng ký để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi cha mẹ chết thì phần đất ruộng do ông, ông P và bà G quản lý sử dụng. Theo đó, bà G quản lý sử dụng một đám ruộng diện tích 2.200 m², ông P quản lý canh tác 4.300 m², ông quản lý canh tác phần đất ruộng gồm 1.500 m² ở phía Tây của kênh và phần đất hiện tranh chấp ở phía Đông của kênh diện tích 1.989,6 m² tại thửa 786, 730, 731, 756 tờ bản đồ số 46. Chị em ông đã phân chia phần đất ruộng trên cho ba chị em gái chung một thửa đất là 2.200 m², chia cho ông P 4.300 m²; ông được chia 1.500 m² và phần đất tranh chấp 1.989,6 m². Các phần đất của ai thì người đó tự đăng ký đứng tên và đã chuyển nhượng xong hết cho người khác. Riêng phần đất tranh chấp thì ông chưa đăng ký do bị mức đất làm kênh không có giá trị nên không đăng ký.

Nay, ông yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất diện tích 1.989,6 m² tại thửa 786, 730, 731, 756, tờ bản đồ số 46 theo quy định của pháp luật, chia cho ông 1/5 diện tích đất hoặc bằng giá trị. Các phần đất đã chuyển nhượng ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn đồng thời là người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn - Bà Lê Thị H trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của ông A là đúng về họ tên của cha mẹ chồng và anh em chồng. Riêng về tài sản tranh chấp ông A trình bày không đúng. Phần đất

tranh chấp có nguồn gốc của cha mẹ chồng nhưng sau đó kênh đi ngang đã móc đất tạo hầm hố, không sử dụng được, vợ chồng bà đã bỏ công sức sang lấp, cải tạo đất và sử dụng đất từ năm 1982 khi cha mẹ chồng bà còn sống cho đến nay. Chồng bà đã đi kê khai đăng ký để được cấp giấy đất từ ngày 01-6-1994, tuy nhiên khi kê khai đăng ký do không am hiểu về bản đồ nên đăng ký nhầm hai thửa 8596 và 8597. Việc sử dụng đất của vợ chồng bà địa phương biết và đã xác nhận phân đất vợ chồng bà bị cấp nhầm thửa để xét được điều chỉnh lại, khi đang làm thủ tục điều chỉnh lại đất thì ông A tranh chấp. Nay, bà không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của bị đơn: chị Nguyễn Thị M, Nguyễn Văn Minh Đ, chị Nguyễn Thị Ngọc D, chị Nguyễn Thị C trình bày:

Thống nhất với lời trình bày của bà H; không bổ sung thêm ý kiến gì; không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Riêng chị C trình bày: Phần đất các nguyên đơn tranh chấp là của cha chị được ông bà nội cho khi còn sống và đã sử dụng ổn định từ lâu nên không phải là di sản thừa kế của ông bà nội.

Trong đơn khởi kiện ngày 11-9-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của ông A, tuy nhiên phần đất tranh chấp là của cha mẹ để lại chưa phân chia. Ngoài ra, cha mẹ bà còn để lại tài sản là 2.000 m² đất ở khu phố E1, phường A1, huyện T trên đất có mộ của cha mẹ và căn nhà tình nghĩa hiện do bà L quản lý.

Nay, bà yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất ruộng diện tích 1.989,6 m² tại thửa 786, 730, 731, 756, tờ bản đồ số 46 theo quy định của pháp luật, chia cho bà được hưởng 1/5 diện tích đất hoặc bằng giá trị. Các phần đất đã chuyển nhượng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phần đất ở A1 bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong đơn khởi kiện ngày 11-9-2019 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - Bà Nguyễn Thị G, Nguyễn Thị L trình bày:

Bà thống nhất lời trình bày của ông A, bà H. Bà yêu cầu chia thừa kế là quyền sử dụng đất ruộng diện tích 1.989,6 m² tại thửa 786, 730, 731, 756, tờ bản đồ số 46 theo quy định của pháp luật, chia cho bà được hưởng 1/5 diện tích đất hoặc bằng giá trị. Các phần đất đã chuyển nhượng bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Phần đất ở A1 bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người bảo vệ quyền và nghĩa vụ cho bị đơn trình bày: Phần đất nguyên đơn tranh chấp là đất ruộng, cha mẹ nguyên đơn không có xây dựng công trình hoặc trồng cây lâu năm trên đất và không có đăng ký kê khai để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bên bị đơn đã cải tạo sử dụng đất từ năm 1982 cho đến nay. Bên bị đơn đã đăng ký nhưng do cấp nhầm thửa và được chính quyền địa phương xác nhận. Do đó, phần đất này không phải là di sản thừa kế nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Tại Bản án Dân sự sơ thẩm số: 12/2020/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh đã quyết định:

Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2003; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị H, Bà Nguyễn Thị G và Bà Nguyễn Thị E về yêu cầu chia thừa kế đối với di sản của cụ Nguyễn Văn I và cụ Nguyễn Thị D đối với phần đất có diện tích 1.989,6 m² tại thửa 786, 730, 731, 756, tờ bản đồ số 46 (lưới 2005), bản đồ 299 là thửa đất giáp bờ kênh không có sổ thừa; tọa lạc tại khu phố B, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; đất có tứ cận:

- + Đông giáp: nương nước, dài 9,98 m + 10,71 m + 15,78 m;
- + Tây giáp: đất ông U, dài 14,53 m;
- + Nam giáp: đường, dài 82 m;
- + Bắc giáp: kênh N24, dài 14,43 m + 45,02 m + 29,79 m.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 15-8-2020, ông Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo, nội dung cho rằng phần đất tranh chấp là di sản thừa kế do cha mẹ để lại chứ không phải là đất của ông Nguyễn Văn P; do đó yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông và chia đều cho những người được thừa kế.

Ngày 17-8-2020, bà Nguyễn Thị E, Nguyễn Thị H, Nguyễn Thị G có đơn kháng cáo, nội dung cho rằng phần đất tranh chấp là di sản thừa kế do cha mẹ để lại chứ không phải là đất của ông Nguyễn Văn P; do đó yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chia thừa kế cho các bà, mỗi bà được hưởng 01 suất.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích cho bên bị đơn trình bày: Bị đơn nhất trí với bản án sơ thẩm nên không có kháng cáo; còn nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng phần đất tranh chấp là di sản thừa kế của cụ I, cụ D1 để lại chưa chia nên kháng cáo yêu cầu chia ra làm 5 kỷ phần mỗi người được hưởng 1/5. Song, tại phiên tòa phúc thẩm, bên kháng cáo không xuất trình thêm được các chứng cứ mới, nên đề nghị Hội đồng xét xử, bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử vào ngày 06-8-2020 nhưng đến ngày 23-9-2020 mới chuyển hồ sơ lên tỉnh (trễ 10 ngày) nên vi phạm Điều 283 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ngày 23-9-2020, Tòa án tỉnh nhận hồ sơ nhưng đến ngày 04-10-2020 mới ra thông báo thụ lý nên vi phạm Điều 285 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt Nội quy phiên tòa;

+ Về nội dung: Đề nghị không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn

là ông Nguyễn Văn A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: bà Nguyễn Thị E, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị G; giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 12/2020/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

* Xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là Ông Nguyễn Văn A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị E, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị G:

[1] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Các đương sự đều thừa nhận đất có nguồn gốc của cụ I, cụ D1 khai phá đất rừng từ sau giải phóng; cụ I, cụ D1 chưa kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và chưa có ai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Qua xem xét, thẩm định tại chỗ xác định: Đất tranh chấp có diện tích 1.989,6 m²; gồm các thửa 786, 730, 731, 756; tờ bản đồ số 46 (lưới 2005), bản đồ 299 là thửa đất giáp bờ kênh không có số thửa; tọa lạc tại khu phố B, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; hiện là đất trống do bà H quản lý.

[2] Ông A, bà E, bà H, bà G cho rằng phần đất diện tích 1.989,6 m² là di sản của cụ I và cụ D1 để lại chưa chia; cụ I và cụ D1 sử dụng đất từ trước đến khi Nhà nước mốc đất làm kênh thì các anh, chị, em vẫn còn sạ lúa; do đó diện tích 1.989,6 m² không phải là tài sản riêng của ông P. Bà H và các con của ông P cho rằng phần đất 1.989,6 m² khi còn sống cụ I và cụ D1 đã cho ông P, khi cho chỉ nói miệng, hiện trạng khi cho là đất bỏ hoang, vợ chồng bà khai phá và sử dụng đất từ năm 1982 đến năm 1994 ông P kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng nhầm số thửa và được chính quyền địa phương xác nhận đã cấp nhầm thửa để xem xét cấp lại.

[3] Hội đồng xét xử thấy rằng: trên diện tích 1.989,6 m² đất tranh chấp không có tài sản (nhà ở, vật kiến trúc, cây lâu năm); nguồn gốc đất là của cụ I, cụ D1 khai phá nhưng cụ I, cụ D1 không kê khai, đăng ký; không có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không có các loại giấy tờ về đất đai theo quy định tại khoản 1 Điều 50 của Luật Đất đai năm 2003 nên các đương sự không được hưởng thừa kế về quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 106 của Luật Đất đai năm 2003.

[4] Mặt khác, qua xác minh những người dân sống tại địa phương gồm: ông Dương Văn Sợi, ông Phạm V, ông Nguyễn X, bà Trần Thị G đều xác định: “Ông P là người trực tiếp canh tác, sử dụng đất”. Tại Công văn số: 70/UBND ngày 23-3-2020 của Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng thể hiện: “Phần đất tranh chấp diện tích 1.989,6 m² ... do Ông Nguyễn Văn P kê khai, đăng ký trong sổ mục kê nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hiện phần đất này không nằm trong dự án quy hoạch, dự án cân thu hồi đất của thị xã Trảng Bàng và đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật”.

[5] Căn cứ điểm a, tiểu mục 1.3, mục 1, Phần II của Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004 quy định: “Trường hợp người chết để lại quyền sử dụng đất mà đất đó không có một trong các loại giấy tờ được hưởng dân tại tiểu mục 1.1 và tiểu mục 1.2 mục 1 này nhưng có di sản là nhà ở, vật kiến trúc khác (như: nhà bếp, nhà tắm, nhà vệ sinh, giếng nước, nhà để ô-tô, nhà thờ, tường

xây làm hàng rào gắn với nhà ở, các công trình xây dựng trên đất được giao để sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh như nhà xưởng, kho tàng, hệ thống tưới, tiêu nước, chuồng trại chăn nuôi hay vật kiến trúc khác hoặc trên đất có các tài sản khác như cây lấy gỗ, cây lấy lá, cây ăn quả, cây công nghiệp hay các cây lâu năm khác) gắn liền với quyền sử dụng đất đó mà có yêu cầu chia di sản thừa kế, thì cần phân biệt các trường hợp sau:

a) Trong trường hợp đương sự có văn bản của Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền xác nhận việc sử dụng đất đó là hợp pháp, nhưng chưa kịp cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thì Tòa án giải quyết yêu cầu chia di sản là tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất và quyền sử dụng đất đó”...

[6] Do đó, phần đất tranh chấp không phải là di sản của cụ I, cụ D1. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ, đúng pháp luật.

[7] Từ những nhận định trên, không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị E, Bà Nguyễn Thị H, Bà Nguyễn Thị G; chấp nhận ý kiến đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn; chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

[8] Về án phí: Căn cứ Điều 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 và khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Văn A và Bà Nguyễn Thị E mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm; bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị G được miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là ông Nguyễn Văn A và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Bà Nguyễn Thị E, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị G; giữ nguyên Bản án Dân sự sơ thẩm số: 12/2020/DS-ST ngày 06 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

3. Căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 623, Điều 688 của Bộ luật Dân sự; Điều 203 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết số: 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10-8-2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết các vụ án dân sự, hôn nhân và gia đình; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 7, Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

4. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị G và bà Nguyễn Thị E về yêu cầu chia thừa kế đối với phần đất có diện tích 1.989,6 m² tại thửa 786, 730, 731, 756 tờ bản đồ số 46 (lưới 2005),

bản đồ 299, là thửa đất giáp bờ kênh không có sổ thửa; tọa lạc tại khu phố B, phường L, thị xã T, tỉnh Tây Ninh; đất có tứ cận:

+ Đông giáp: nương nước, dài 9,98 m + 10,71 m + 15,78 m;

+ Tây giáp: đất ông U, dài 14,53 m;

+ Nam giáp: đường, dài 82 m;

+ Bắc giáp: kênh N24, dài 14,43 m + 45,02 m + 29,79 m.

5. Về án phí:

5.1. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị Gái;

+ Ông Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông A đã nộp 2.500.000 đồng theo Biên lai thu số: 0017051 ngày 11-4-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Hoàn trả cho ông A số tiền 2.200.000 (hai triệu, hai trăm nghìn) đồng;

+ Bà Nguyễn Thị E phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà L đã nộp 2.500.000 đồng theo Biên lai thu số: 0017619 ngày 24-10-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng. Hoàn trả cho Bà Nguyễn Thị E số tiền 2.200.000 (hai triệu, hai trăm nghìn) đồng.

5.2. Về án phí dân sự phúc thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0018459 ngày 17-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

+ Bà Nguyễn Thị E phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số: 0018460 ngày 17-8-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng.

6. Về chi phí tố tụng: Ông Nguyễn Văn A phải chịu 1.600.000 (một triệu, sáu trăm nghìn) đồng; ghi nhận ông A đã nộp xong.

7. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND.TTN;
- TAND. thị xã Trảng Bàng;
- Chi cục THADS. thị xã Trảng Bàng;
- Phòng KTNV. TATTN;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án DSPT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Mai Văn Triển

